Số và ký hiệu: 1207/CNPN-VTĐĐ
Ngày đến: 27/10/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CẨM PHẢ
CHI NHÁNH PHÍA NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CNPN-VTĐĐ
V/v Yêu cầu báo giá

Phú Mỹ, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Quý nhà thầu.

Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đề nghị Quý Công ty báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Phạm vi công việc và các nội dung yêu cầu:

1. Cụ thể phạm vi công việc như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Quy cách/Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Cánh tĩnh phân ly	Cánh tĩnh hoàn thiện bao gồm: - Tấm mặt và tấm lưng ghép với nhau. - Cổ treo phía trên và phía dưới đã gia công lỗ ren lắp bulong. - Bulong để lắp cánh tĩnh lên vị trí máy (Theo bản vẽ và tài liệu đính kèm)	Cánh	30

2. Điều kiện thanh toán, bảo hành:

- Thanh toán 100% giá trị quyết toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 120 ngày kể từ kể từ ngày hoàn thành bàn giao nghiệm thu và Bên mua nhận đủ các chứng từ thanh toán hợp lệ.
- Bảo hành : Tối thiểu 6 tháng. Hình thức bảo hành : Bằng bảo lãnh ngân hàng có giá trị 5% giá trị quyết toán và hiệu lực tối thiểu 7 tháng kể từ ngày phát hành.

II. Nội dung đề nghị Nhà thầu Báo giá.

Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đề nghị Quý Công ty báo giá theo các nội dung như sau:

1 Biểu mẫu đề nghị báo giá:

TT	Tên vật tư	Quy cách kỹ thuật/Hãng sx, xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp	Thời gian bảo hành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)	(8)	(9)
1								
	…							
	Tổng cộng							
	Thuế GTGT							
	Tổng cộng giá trị sau thuế							

2 Điều kiện thanh toán:……

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

3 Các yêu cầu/đề xuất khác nếu có:.....

4 Thời gian có hiệu lực của báo giá: .....

5 Các thông tin khác (nếu có).

III. Yêu cầu gửi báo giá:

Nhà thầu quan tâm gửi báo giá theo thông tin sau:

- Hình thức : Bản gốc hoặc bản scan thông qua hệ thống online hoặc nhận trực tiếp.
- Thời gian : Trong vòng 3 ngày kể từ ngày đăng tải thông báo.
- Đầu mối: Phòng Vật tư – Điều độ, Chi nhánh Phía Nam - Công ty CP Xi măng Cẩm Phả.
- Địa chỉ: KCN Mỹ Xuân A, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ĐT: 02543 899 630 Fax: 02543 899 629.
- Người nhận báo giá: Phan Hồng Kỳ, email: kyph1@viettel.com.vn.

Mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng CNTT (để đăng tải);
- Lưu: VT, VTĐĐ. Kỳ 02.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Như Đức

183827_Phan Hong Ky_13:28 27/10/2026
Pho Giam doc chi nhanh Nguyen Nhu Duc da ky, 27/10/2026 08:00:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 980/TUNPNSKTDD
Ngày đến: 22/10/2026

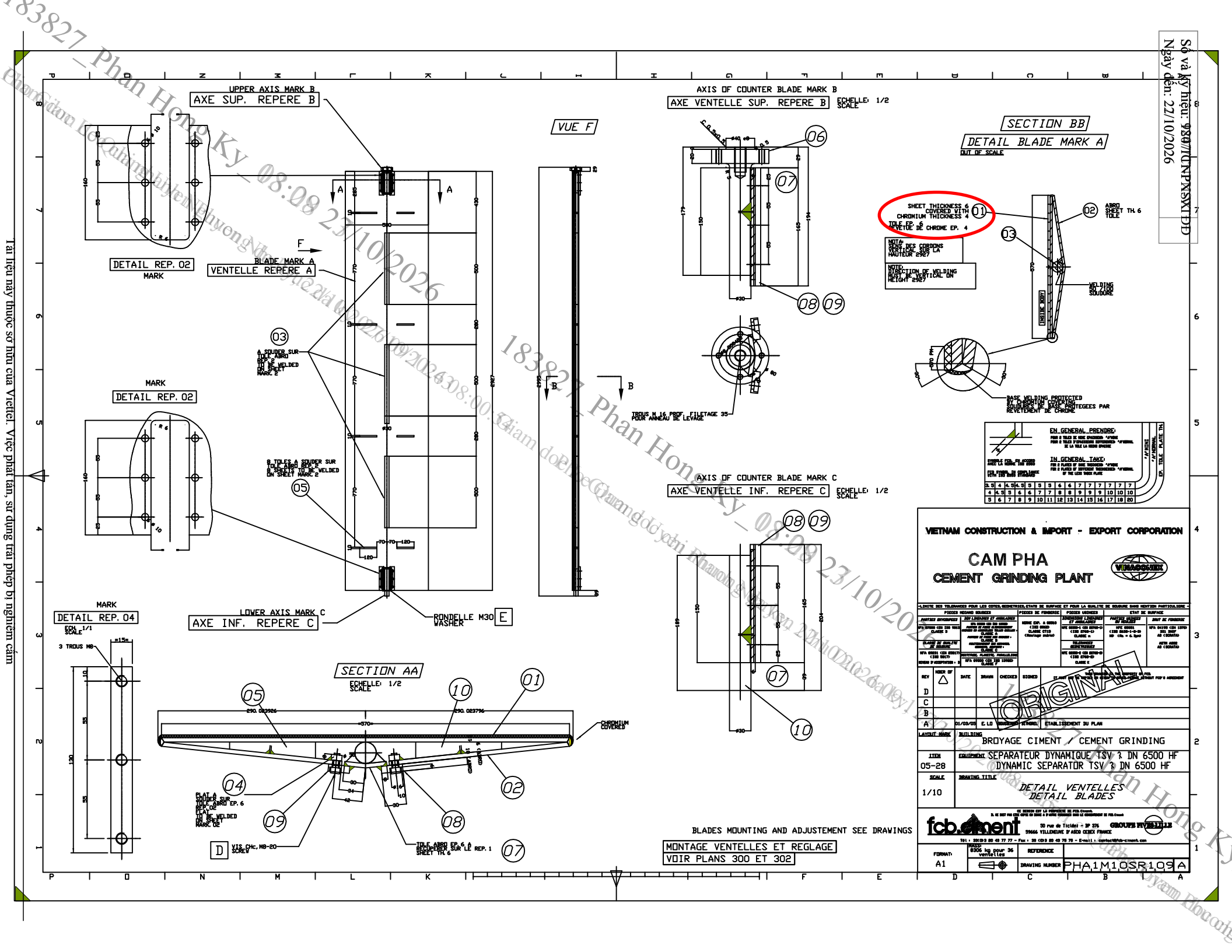

VIETNAM CONSTRUCTION & IMPORT - EXPORT CORPORATION

CAM PHA
CEMENT GRINDING PLANT

VINACONEX

REV	NBRE OF	DATE	DRAWN	CHECKED	SIGNED
D					
C					
B					
A		01/03/05	E.LD		ETABLISSEMENT DU PLAN

ORIGINAL

LAYOUT MARK	BUILDING: BROYAGE CIMENT / CEMENT GRINDING
ITEM 05-28	EQUIPMENT: SEPARATEUR DYNAMIQUE TSV 3 DN 6500 HF / DYNAMIC SEPARATOR TSV 3 DN 6500 HF
SCALE 1/10	DRAWING TITLE: DETAIL VENTELLES / DETAIL BLADES

fcb ciment
GROUPE FCB
39 rue de Ticket - BP 526
39666 VILLENEUVE D'ASCQ CEDEX FRANCE
Tél. + 33(0)3 20 49 77 77 – Fax : 33 (0)3 20 43 75 75 – E-mail : contact@fcb-ciment.com

FORMAT:	MASSE: 6306 kg pour 36 ventelles	REFERENCE	
A1		DRAWING NUMBER	PHA1M10SR109A

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm
183827_Phan Hong Ky_08:08 23/10/2026

Số và ký hiệu: 9807/TNPKSXTDD
Ngày đến: 22/10/2026

fcb.ciment

GROUPE FIVES-LILLE

NOMENCLATURE / PART LIST

FOLIO : 1 / 2

AFFAIRE / CLIENT : **CAM PHA**

Atelier / Department : CEMENT GRINDING / BROYAGE CIMENT

Group Item : 05-28

Equipment : **DYNAMIC SEPARATOR DN 6500 HF**
SEPARATEUR DYNAMIQUE DN 6500 HF

FCB Imputation :

Modifications / Revisions

Rev	Date	Name	Check	Visa
A	01/03/2005	E.LO	BOUSSEMART	BITHOREL
,				
,				
,				
,				

ORIGINAL

Titre du plan / Drawing title : DETAIL VENTELLES
BLADES DETAIL

Plan : PHA1M10SR 109
Drawing FCB N° :

N° Standard /
N° Supplier :

Masse totale (kg) / total mass : 8306 pour 36 pièce(s) ou ensemble for part(s) or assembly

masse total de la part local (kg) / total mass of local part =

masse total de la part importée (kg) / total mass of imported part =

Quantité totale / total quantity			Désignation	PLAN / DRAWING Numéro / Number	Ind Rev	Rep Mark	MATIERE / MATERIAL Nuance / Quality / Norme / Standard	Fourni par / Suplied by : N° ordre / D.A / N° order / D.A	EQUIPMENT Fourni par / Suplied by : N° ordre / D.A / N° order / D.A	Fabriqué par : / Manufact. by :	Masse nette unitaire (kg) Net unit mass Importé / Imported	Locale / Local	total théorique	Spécification technique / technical specification	ligne modifiée / line revised
	36		VENTELLE COMPRENANT CHACUNE COUNTER BLADE INCLUDING EACH ONE	PHA1M10SR 109	A	A							225,6		
		1	TOLE REVETUE DE CHROME SHEET COVERED WITH CHROMIUM	PHA1M10SR 109	A	1	*VOIR NOTA 1*						131		
		1	TOLE SHEET	PHA1M10SR 109	A	2	ABRO 4800						78		
		3	ROND ROD	PHA1M10SR 109	A	3	E295 NF EN 10025						2,8		
		4	PLAT FLAT	PHA1M10SR 109	A	4	S235 JR G2 NF EN 10025						0,10		
		8	PLAT FLAT	PHA1M10SR 109	A	5	S235 JR G2 NF EN 10025						0,2		
			NOTA 1: Castolin CDP 4666, Triten T211X, Integra 300, Penhard 2, Vautid 150												
36			AXE SUPERIEUR COMPRENANT CHACUN UPPER AXIS INCLUDING EACH ONE	PHA1M10SR 109	A	B							2,88		
		1	ROND ROD	PHA1M10SR 109	A	6	E295 NF EN 10025						1,6		
		1	TOLE SHEET	PHA1M10SR 109	A	7	ABRO 4800						0,4		
		1	PLAT FLAT	PHA1M10SR 109	A	8	ABRO 4800						0,4		
		1	PLAT FLAT	PHA1M10SR 109	A	9	ABRO 4800						0,4		

(*) = Composants assemblés / Composants assembly
Matériel expédié composé de (*) / Equipement dispatched composed of (*)
Matériel monté en atelier sur un autre élément composé de (*) / equipment mounted in factory on the other part composed of (*)

183827_Phan Hong Ky_08:09 23/10/2026
Phan Gia Hoc Quang hay le nghuyen Ngoc Nguyen 23/10/2026 09:10:24 28:00 Nham de Phoc Quang dy chi Phan Hong Ky 23/10/2026 09:12:43 30/2026 08:00:54 Le Quang Uyen Phoc
Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 980/TQNPNXKTĐD
Ngày đến: 22/10/2026

GROUPE FIVES-LILLE

NOMENCLATURE / PART LIST

FOLIO : 2 / 2

Titre du plan / Drawing title : DETAIL VENTELLES / BLADES DETAIL

Plan / Drawing FCB N° : PHA1M10SR 109

N° Standard /

N° Supplier :

Masse totale (kg) / total mass : 8306 pour / for 36 pièce(s) ou ensemble / part(s) or assembly

masse total de la part local (kg) / total mass of local part =

masse total de la part importée (kg) / total mass of imported part =

Quantité totale / total quantity			Désignation	PLAN / DRAWING Numéro / Number	Ind Rev	Rep Mark	MATIERE / MATERIAL Nuance / Quality / Norme / Standard	Fourni par / Suplied by : N° ordre / D.A / N° order / D.A	EQUIPMENT Fourni par / Suplied by : N° ordre / D.A / N° order / D.A	Fabriqué par : / Manufact. by :	Masse nette unitaire (kg) Net unit mass Importé / Imported	Locale / Local	total théorique	Spécification technique / technical specification	ligne modifiée / line revised
36			AXE INFERIEUR COMPRENANT CHACUN LOWER AXIS INCLUDING EACH ONE	PHA1M10SR 109	A	C							2,27		
		1	ROND ROD	PHA1M10SR 109	A	10	E295 NF EN 10025						1,0		
		1	TOLE SHEET	PHA1M10SR 109	A	7	ABRO 4800						0,4		
		1	PLAT FLAT	PHA1M10SR 109	A	8	ABRO 4800						0,4		
		1	PLAT FLAT	PHA1M10SR 109	A	9	ABRO 4800						0,4		
432			VIS CHC,M8x20 SCREW	PHA1M10SR 109	A	D	CL.8-8 NFE 25125								
36			RONDELLE M30 WASHER	PHA1M10SR 109	A	E	160 HV NFE 25514								

(*) = Composants assemblés / Composants assembly
Matériel expédié composé de (*) / Equipement dispatched composed of (*)
Matériel monté en atelier sur un autre élément composé de (*) / equipment mounted in factory on the other part composed of (*)

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

183827_Phan Hong Ky_08:08 23/10/2026